CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Ngày 31/12/2024	2,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**-**	**-4.0%**

DT thuần
Q4/24
286
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105| 57.8%
YoY: ▼125| -30.5%

LN thuần
Q4/24
-7.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.82| -700%
YoY: ▼7.72| -4827%

LN sau thuế
Q4/24
-7.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.44| -727%
YoY: ▼0.40| -5.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
5.6%
YoY: +/-▲ 2.2%

ROE
2024
0.0%
YoY: +/-▼ 5.8%

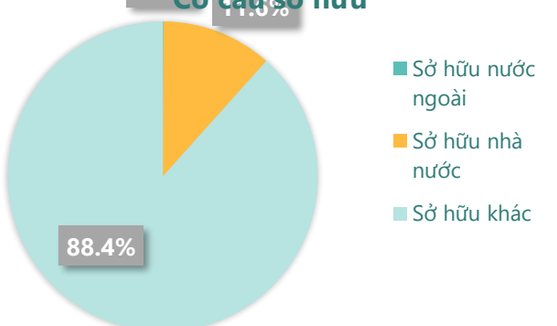
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,090
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.19
EPS	6
P/E	405.4

DT thuần
2024
1,063
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 69.0| 7.0%

LN thuần
2024
0.42
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.6| 102%

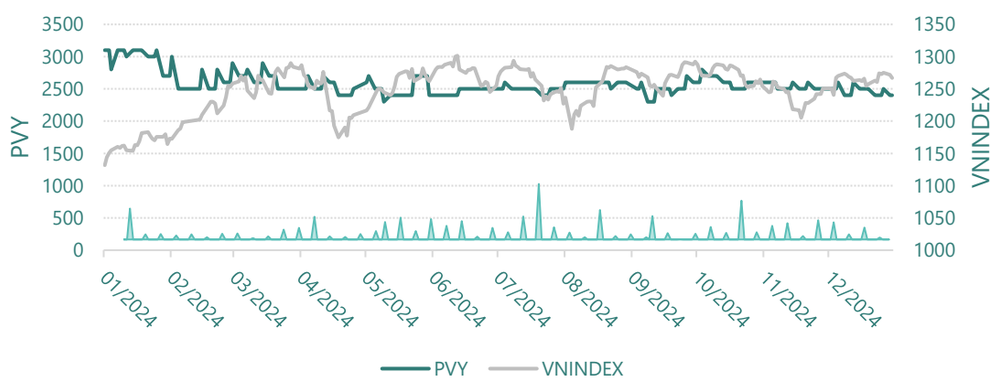
LN sau thuế
2024
0.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.3| 101%

Cơ cấu sở hữu

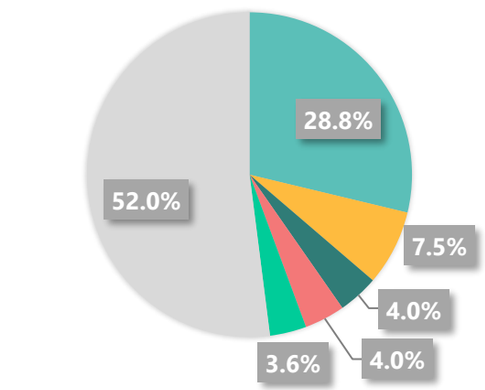


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



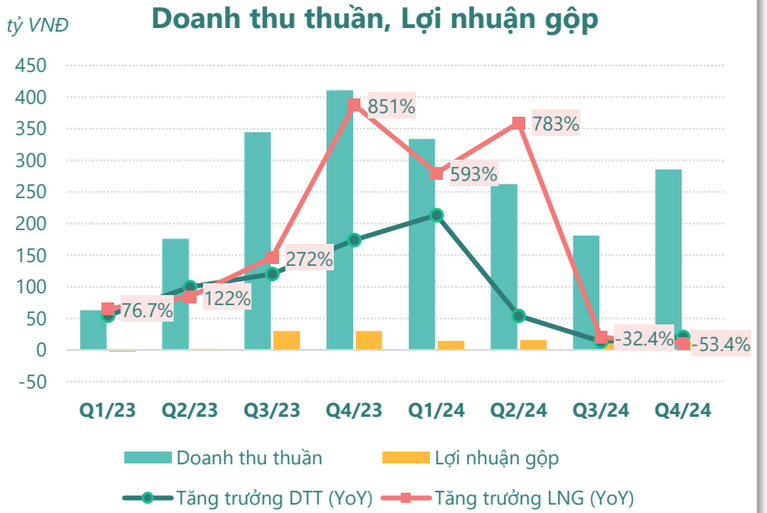
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

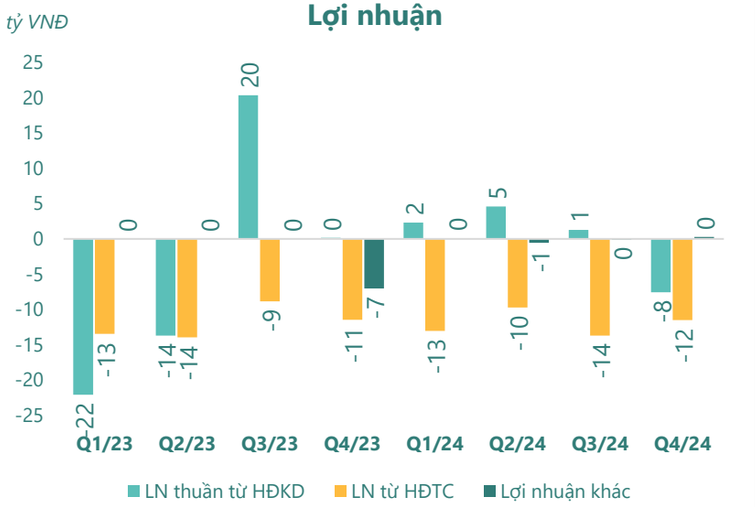
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



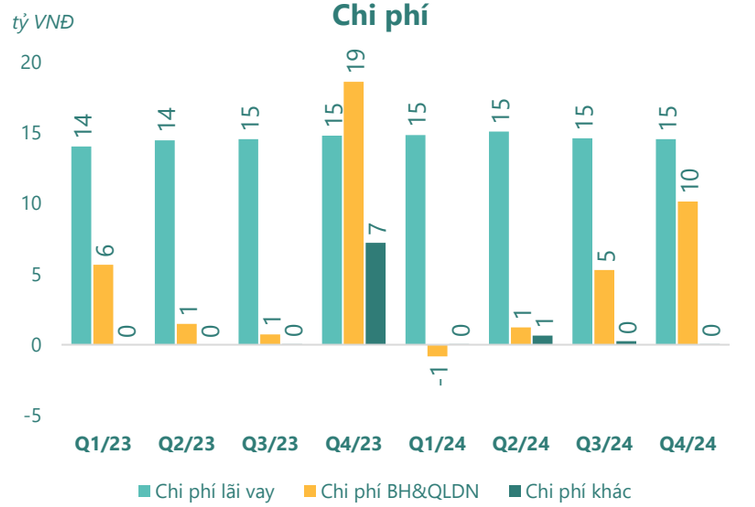
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



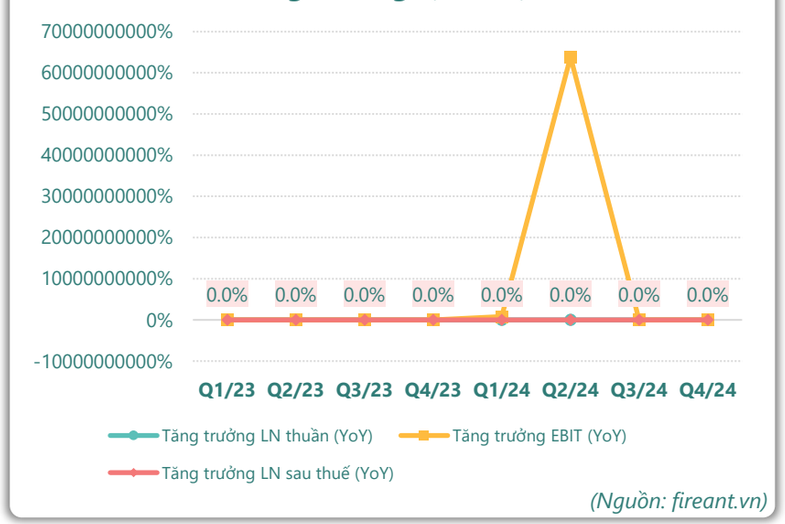
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



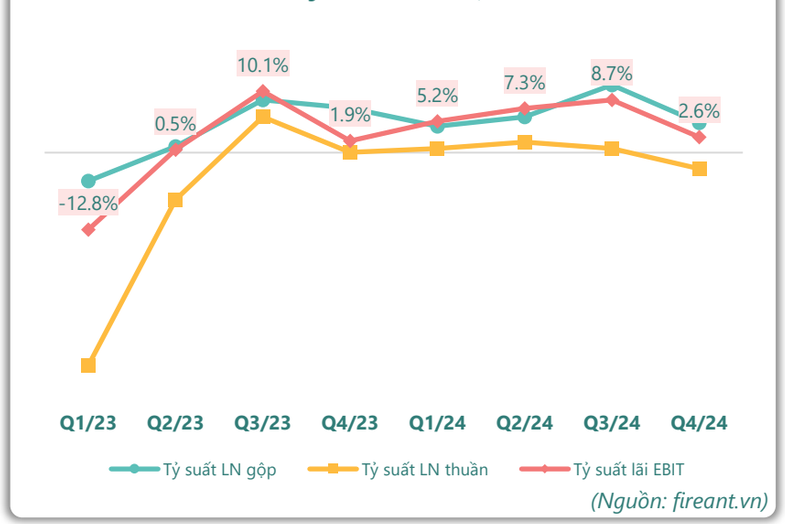
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



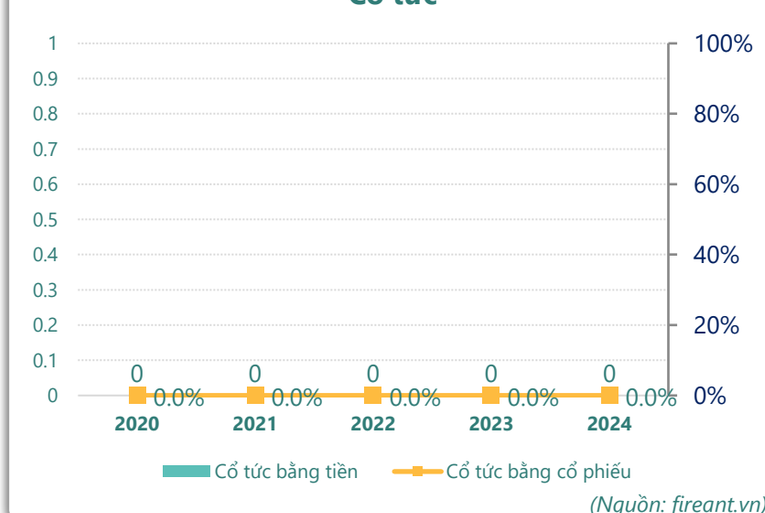
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

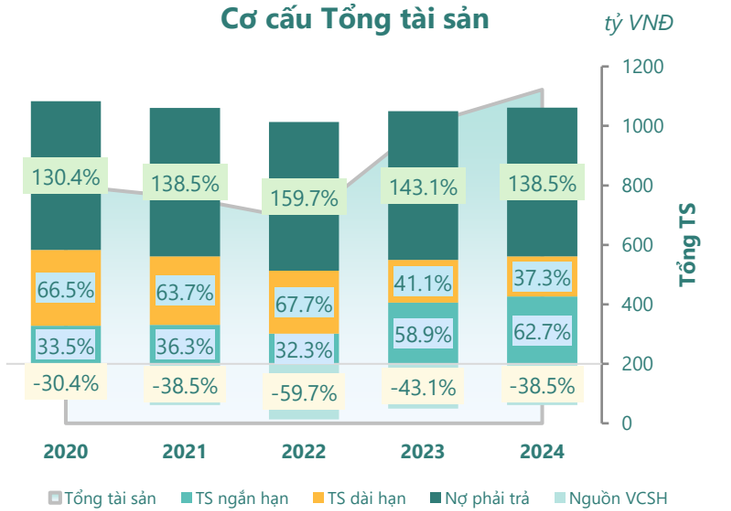
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

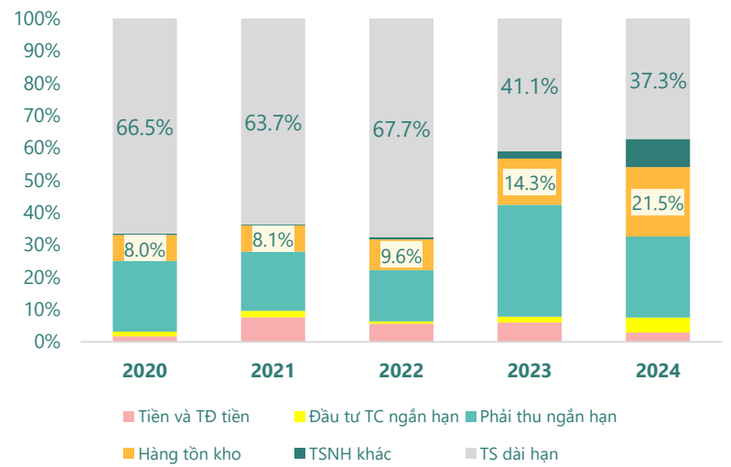
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



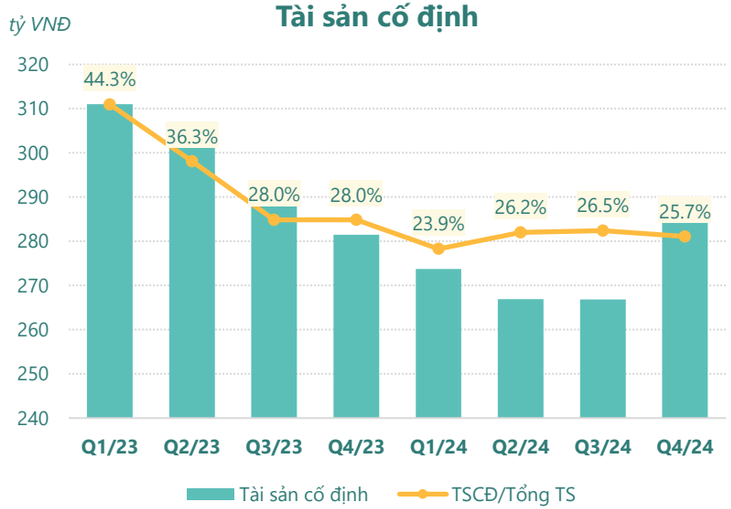
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



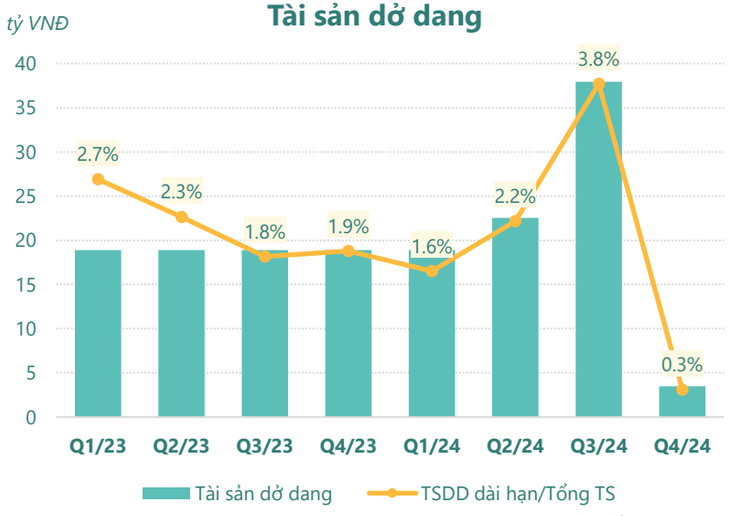
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



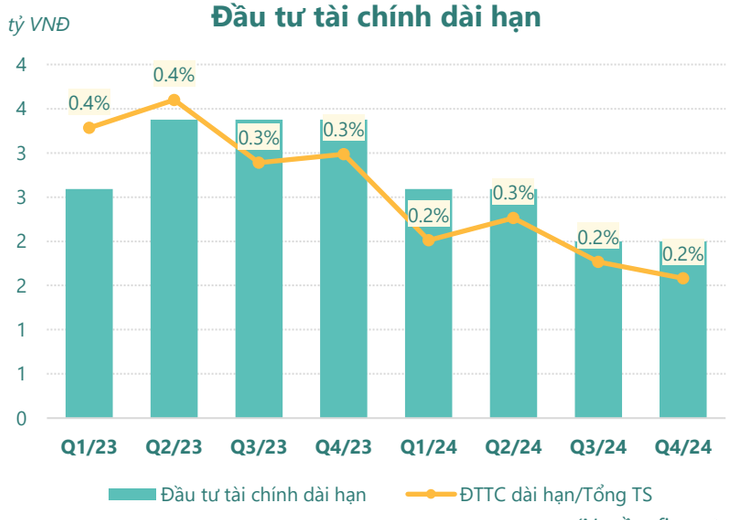
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



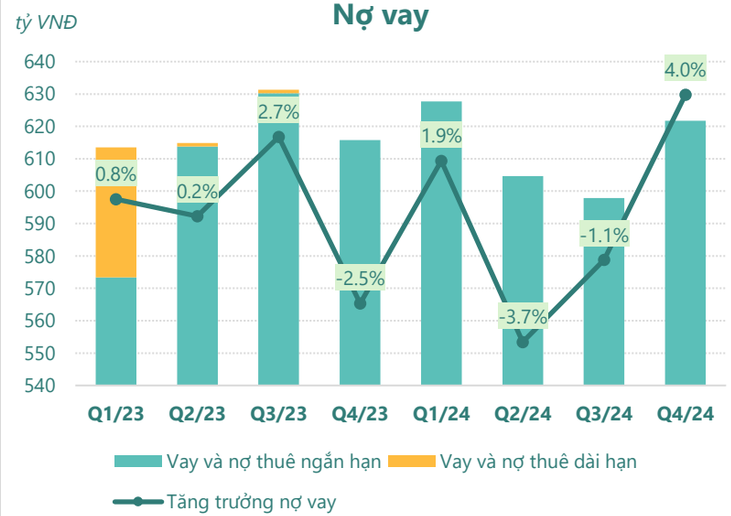
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

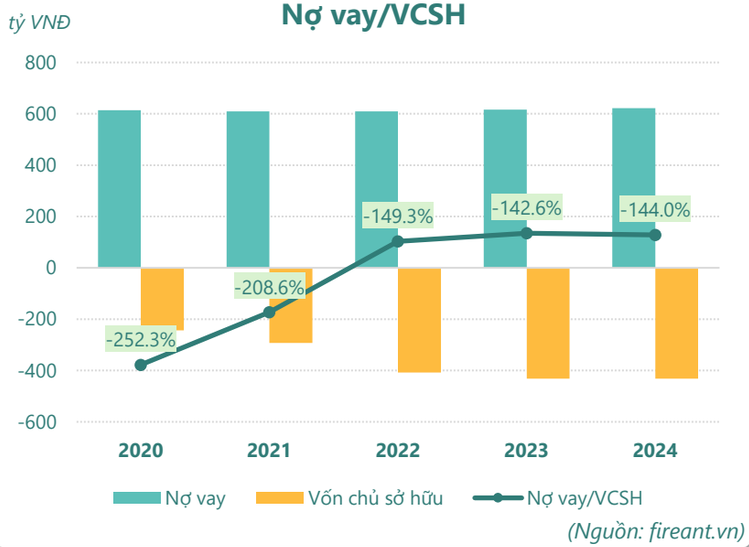
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

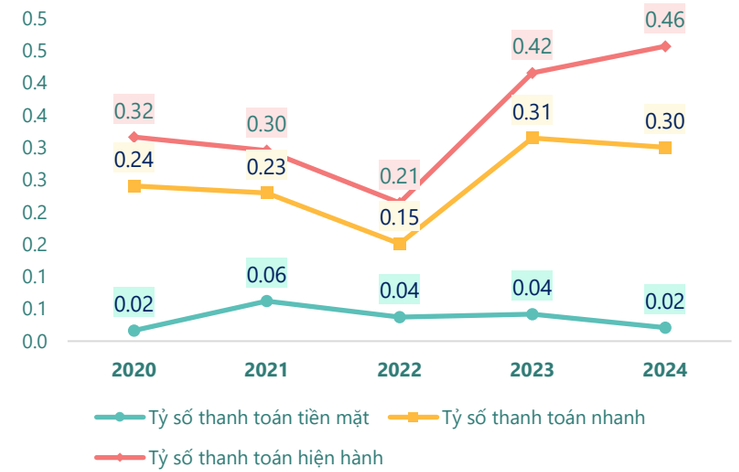
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



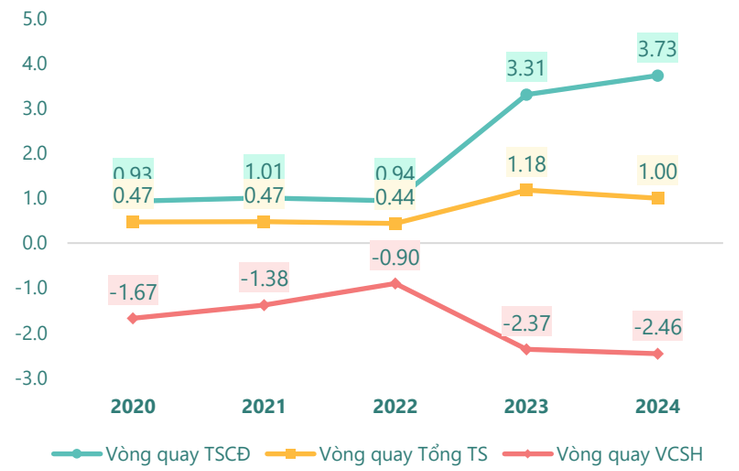
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



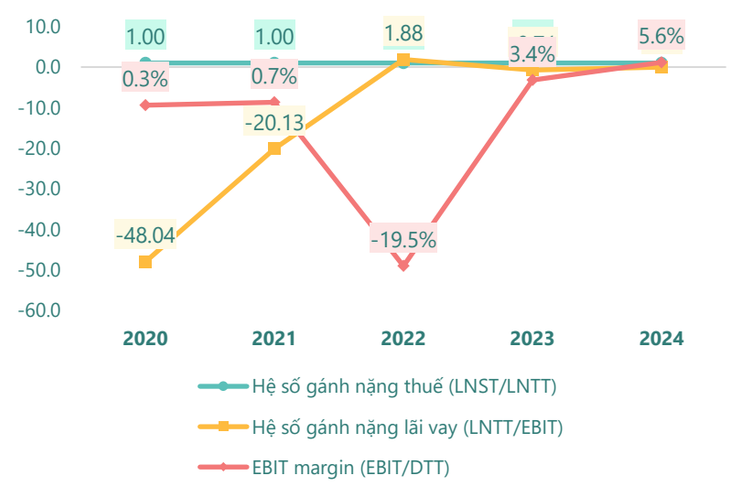
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



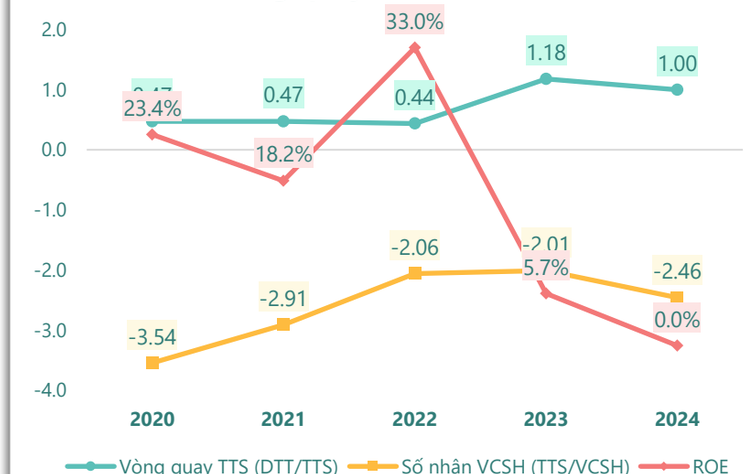
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



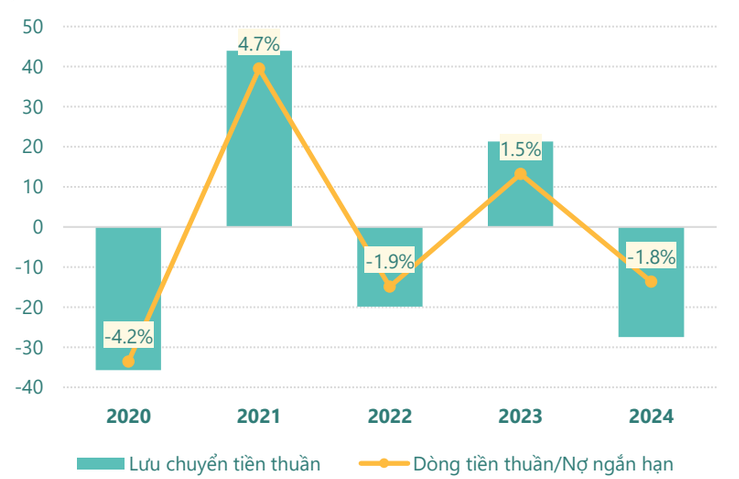
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**286**	**411**	**-30.5%**	**1,063**	**994**	**7.0%**
Giá vốn hàng bán	272	380	-28.5%	999	935	6.9%
Lợi nhuận gộp	14.1	30.3	-53.5%	64.4	59.0	9.1%
Doanh thu HĐTC	4.75	3.37	40.9%	14.0	10.3	36.0%
Chi phí TC	16.3	14.8	9.8%	62.2	58.0	7.2%
Chi phí lãi vay	14.6	14.8	-1.5%	59.2	57.9	2.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**10.2**	**18.6**	**-45.4%**	**15.8**	**28.5**	**-44.4%**
LN thuần từ HĐKD	-7.56	0.16	-4827%	0.42	-17.2	102%
Lợi nhuận khác	**0.29**	**-7.04**	**104%**	**-0.24**	**-6.94**	**96.6%**
LN trước thuế	-7.28	-6.88	-5.8%	0.18	-24.1	101%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.28**	**-6.88**	**-5.8%**	**0.18**	**-24.1**	**101%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.28**	**-6.88**	**-5.8%**	**0.18**	**-24.1**	**101%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.5	-25.1	-38.6	24.9	9.85	42.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.17	-5.82	4.42	-5.28	-12.4	-58.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.5	-15.6	11.9	-23.0	-6.79	23.8
Tiền đầu kỳ	132	129	59.6	40.1	33.7	23.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.90**	**-46.6**	**-22.3**	**-3.33**	**-9.32**	**7.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.45	1.29	2.86	-3.08	-1.19	1.46
Tiền cuối kỳ	129	83.3	40.1	33.7	23.2	32.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,124**	**1,003**	**12.1%**
Tài sản ngắn hạn	706	591	19.5%
Tiền và tương đương tiền	32.2	59.6	-45.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.7	18.5	180%
Phải thu ngắn hạn	284	347	-18.1%
Hàng tồn kho	241	144	67.8%
Tài sản ngắn hạn khác	97.2	22.2	337%
Tài sản dài hạn	**418**	**412**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	289	281	2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.48	18.9	-81.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.59	-22.8%
Tài sản dài hạn khác	**124**	**109**	**13.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,556	1,435	8.4%
Nợ ngắn hạn	**1,542**	**1,421**	**8.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	622	616	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	381	250	52.5%
Nợ dài hạn	13.7	14.2	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-432**	**-432**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**-432**	**-432**	**0.1%**
Vốn điều lệ	595	595	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.05**	**-0.05**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)